TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH G

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập –Tự do –Hạnh phúc

Bản án số:06/2024/HSST
Ngày 31/01/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH G

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị D

-*Các Hội thẩm nhân dân:*

+ Bà Tạ Thị H, Nghề nghiệp: Nguyên là giáo viên – Chủ tịch hội khuyến học huyện K, tỉnh G.

+ Ông Nay Y N, Nghề nghiệp: Nhân viên Trung tâm Y tế, huyện K, tỉnh G.

-*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Đinh Hải B – Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh G.

-*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh G tham gia phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị L - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 01 năm 2024 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh G xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 50/2023/HSST, ngày 12 tháng 12 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo:

Siu T, sinh ngày 01/01/2006 tại huyện K, tỉnh G; Trú tại: Buôn T, xã C, huyện K, tỉnh G; Nghề nghiệp: làm ruộng; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Jrai; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Ksor B, sinh năm 1974 và bà Siu H'N, sinh năm 1977; Tiền án, tiền sự: không; nhân thân: xấu, ngày 12/01/2022 bị Tòa án nhân dân huyện K xử phạt 01 năm tù về tội "Cướp giật tài sản". Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 17/10/2023 và giam liên tục cho đến nay, hiện có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại:*

Anh Nguyễn Tuấn A, sinh năm 2000; trú tại: Buôn T, xã C, huyện K, tỉnh G. Vắng mặt

Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1978; trú tại: Buôn T, xã C, huyện K, tỉnh G. Vắng mặt

-*Người đại diện hợp pháp của bị cáo Siu T*: Ông Ksor B, sinh năm 1974 và bà Siu H'N, sinh năm 1977; Trú tại: Buôn T, xã C, huyện K, tỉnh G. Có mặt

-*Người bào chữa cho bị cáo Siu T*: Ông Bùi Quang T – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh G. Có mặt

-*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Chị Lê Thị Mai N, sinh năm 1997; trú tại: Buôn T, xã C, huyện K, tỉnh G. Vắng mặt

Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1996; trú tại: Thôn T, xã U, huyện K, tỉnh G. Có mặt

Ông Lê Hòa K, sinh năm 1975; trú tại: Thôn T, xã U, huyện K, tỉnh G. Vắng mặt

Anh Ksor V, sinh năm 2003; trú tại: Buôn C, xã U, huyện K, tỉnh G. Có mặt

- *Người phiên dịch tiếng Jrai:* Anh Nay Dăm T, sinh năm 1986; Trú tại: Tổ dân phố 3, thị trấn P, huyện K, tỉnh G. Có mặt

NHẬN THẤY:

Vào khoảng 23 giờ 30 phút ngày 18/8/2023, vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên sau khi đi chơi về Siu T đi xung quanh Buôn T, xã C, huyện K để tìm kiếm tài sản để trộm cắp. Đến khoảng 00 giờ 30 phút ngày 19/8/2023, Siu T đi qua nhà anh Nguyễn Tuấn A, thấy cửa mở, đèn điện trong nhà còn sáng nên Siu T đi vào nhà. Siu T nhìn thấy anh Nguyễn Tuấn A đang ngủ say, bên cạnh còn có chiếc điện thoại di động hiệu Xiaomi 11T đang cắm dây xạc pin. Siu T lấy trộm chiếc điện thoại di động và dây xạc pin rồi về nhà. Đến khoảng 15 giờ ngày 19/08/2023, Siu T đến quán bida Khoa N của chị Lê Thị Mai N thuộc buôn T, xã C, để chơi bida, tính tiền hết 440.000 đồng, Siu T không có tiền trả nên đã để chiếc điện thoại trên lại cho quán bida, khi nào có tiền thì lấy lại điện thoại.

Sau khi phát hiện bị mất trộm tài sản, ngày 27/08/2023, anh Nguyễn Tuấn A đến Công an xã C trình báo. Sau khi tiếp nhận tố cáo, Công an xã C xác minh, xác định Siu T là người thực hiện hành vi trộm cắp nên đã tiến hành triệu tập Siu T lên làm việc.

Tại Bản Kết luận định giá số 29/KL-HĐĐGTS ngày 12/9/2023 kết luận giá trị điện thoại di động hiệu Xiaomi 11T có giá là 4.500.000 đồng , 02 thẻ sim có giá 100.000 đồng và 01 dây sạc có giá 0 đồng (02 thẻ sim không còn tiền trong tài khoản).

Ngày 03/10/023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K đã ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Siu T về tội "Trộm cắp tài sản" và áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú thì đến ngày 13/10/2023, Siu T lại thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, cụ thể:

Vào khoảng 01 giờ 00 phút ngày 13/10/2023, Siu T đi xung quanh buôn T, xã C tìm tài sản trộm cắp. Đến khoảng 01 giờ 30 phút cùng ngày, Siu T đi qua nhà anh Nguyễn Văn H, thấy trong nhà đèn ngủ còn sáng, cửa chính mở nên Siu T đi vào nhà. Siu T nhìn thấy anh H và con trai anh H đang ngủ say, thấy trên giường anh H có 02 chiếc điện thoại di động, một chiếc nhãn hiệu OPPO A37 và một chiếc nhãn hiệu Iphone 8 Plus (chiếc điện thoại này đang cắm dây xạc). Siu T đã rút dây xạc ra và lấy trộm hai chiếc điện thoại trên bỏ vào túi quần bên phải của mình rồi đi về nhà. Khoảng 18 giờ ngày 14/10/2023, Siu T đến quán của

chị Nguyễn Thị Thu H, ở buôn C, xã U, K để uống rượu, tính tiền hết 90.000 đồng. Siu T không có tiền trả nên đã để chiếc điện thoại OPPO A37 tại nhà chị H, khi nào có tiền thì lấy điện thoại. Khoảng 19 giờ cùng ngày, Siu T đến quán bida của anh Lê Hòa K ở thôn T, xã U, K, để chơi bida, tính tiền hết 820.000 đồng, Siu T không có tiền trả nên đã để chiếc điện thoại Iphone 8 Plus lại cho quán bida, khi nào có tiền thì lấy lại điện thoại. Sáng ngày 15/10/2023, Siu T ngồi uống rượu với Ksor V, Siu T nói với Ksor V là "Tôi có một chiếc điện thoại Iphone muốn bán nhưng chiếc điện thoại đó đã đưa đi cầm cắm rồi, giá là 1.300.000 đồng", Ksor V đồng ý mua và trả xuống 1.200.000 đồng, Siu T đồng ý bán. Ksor V đưa tiền cho Siu T để đến quán anh K trả tiền và lấy lại chiếc điện thoại đưa về cho Ksor V. Khi anh Nguyễn Văn H phát hiện điện thoại của mình bị mất thì đã báo Công an xã Chư D, qua xác minh đủ căn cứ xác định Siu T trộm cắp 02 chiếc điện thoại của anh Nguyễn Văn H.

Tại Bản Kết luận định giá số 35/KL-HĐĐGTS ngày 26/10/2023 kết luận giá trị điện thoại di động hiệu OPPO A37 có giá là 400.000 đồng; 01 điện thoại di động Iphone 8 Plus có giá là 3.100.000 đồng và 01 dây sạc có giá 0 đồng.

Ngày 07/11/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K đã ra Quyết định khởi tố vụ án về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại Khoản 1, Điều 173 BLHS, thay đổi biện pháp ngăn chặn đối với Siu T từ Cấm đi khỏi nơi cư trú sang bắt bị can để tạm giam. Ngày 07/11/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K đã nhập 02 vụ án để điều tra chung.

Về vật chứng vụ án: đã trả lại cho bị hại.

Về trách nhiệm dân sự: bị hại không yêu cầu thêm về dân sự.

Bản cáo trạng số 03/CT-VKS ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh G truy tố bị cáo Siu T về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên toà vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Siu T về tội "Trộm cắp tài sản", đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây gọi tắt là HĐXX):

Áp dụng khoản 1, Điều 173 , điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 52, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, 90, 91, 98, 101 BLHS, xử phạt bị cáo Siu Thương từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Về dân sự: Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không cần xem xét đến nữa.

Về án phí: Miễn toàn bộ án phí Hình sự sơ thẩm đối với bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo.

Quan điểm bào chữa của người bào chữa cho bị cáo: đồng ý với bản luận tội của đại diện VKSND huyện K về tội danh, điều luật áp dụng, tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo. Người bào chữa đề nghị HĐXX xử ở mức thấp nhất khung hình phạt đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng:

Cơ quan điều tra Công an huyện K, tỉnh G, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh G, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội và tội danh của bị cáo: Từ tháng 8 đến tháng 10 năm 2023, Siu T đã có hành vi lén lút thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản, trong đó trộm cắp của Nguyễn Tuấn A 01 chiếc điện thoại di động hiệu Xiaomi 11T, dây sạc và 02 sim với tổng giá trị là 4.600.000 đồng và trộm cắp của Nguyễn Văn H 02 chiếc điện thoại (01 điện thoại OPPO A37 và 01 điện thoại Iphone 8 Plus) với tổng trị giá 3.550.000 đồng.

Lời nhận tội của bị cáo Siu T tại phiên tòa phù hợp với nội dung của bản cáo trạng, lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. HĐXX có đủ căn cứ để kết luận hành vi của bị cáo Siu T đã phạm vào tội *"Trộm cắp tài sản"*, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của BLHS. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố bị cáo Siu T về hành vi theo tội danh trên là đúng người, đúng tội và có căn cứ pháp luật.

[3] Về tình tiết định khung tăng nặng: Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g, khoản 1 Điều 52 BLHS.

[4] Về tính chất, mức độ hành vi, các tình tiết giảm nhẹ, trách nhiệm hình sự và hình phạt:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội. Bị cáo Siu T là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ được sự nguy hiểm của hành vi lén lút chiếm

đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, vì lười lao động, muốn hưởng thành quả trên sức lao động của người khác mà bị cáo liên tiếp phạm tội. Bị cáo là người có nhân thân xấu, ngày 12/01/2022 bị Tòa án nhân dân huyện K xử phạt 01 năm tù về tội "Cướp giật tài sản". Bị cáo chấp hành án xong, nhưng không lấy những ngày cải tạo làm bài học cho bản thân mà lại tiếp tục phạm tội. Do đó, hành vi của bị cáo cần phải được xét xử nghiêm theo quy định của pháp luật mới đảm bảo tính trừng trị, răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung trên địa bàn huyện K.

Tuy nhiên trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, nhận thức về pháp luật còn hạn chế. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS mà bị cáo được hưởng. Ngoài ra bị cáo phạm tội khi chưa đủ 16 tuổi nên bị cáo được áp dụng thêm Điều 90, 91, 98 và Điều 101 BLHS để xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Do đó, xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa, đề nghị của người bào chữa về các tình tiết giảm nhẹ và mức hình phạt là có căn cứ và phù hợp pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

Đối với chị Lê Thị Mai N, chị Nguyễn Thị Thu H, anh Lê Hòa K khi nhận giữ những chiếc điện thoại của Siu T thì T không nói gì về nguồn gốc chiếc điện thoại trên. Đối với Ksor V khi mua điện thoại của Siu T cũng không biết nguồn gốc chiếc điện thoại do Siu T đem bán nên không có căn cứ xử lý trách hình đối với những người trên về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

[5] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu.

[6] Về án phí: Miễn toàn bộ án phí Hình sự sơ thẩm đối với bị cáo

[7] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Siu T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 90, 91, 98 và Điều 101 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Siu T 15 *(mười lăm)* tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 17/10/2023.

2. Căn cứ vào Điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự ; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Siu T được miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm.

3. Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày tuyên án (31/01/2024), người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật để yêu cầu Toà án Nhân dân tỉnh G xét xử phúc thẩm.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Thị H - Nay Y N **Lê Thị D**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai (01 bản);
- VKSND h. Krông Pa (02 bản);
- Công an h. Krông Pa (01 bản);
- Bị cáo, người ĐDHP (02 bản);
- Bị hại; đương sự;
- Người bào chữa (01 bản);
- Chi cục THADS h. Krông Pa (01 bản);
- Lưu HS vụ án, THA hình sự (02 bản).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Lê Thị Dung

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Tạ Thị Hài - Nay Y Nốt

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Dung

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai (01 bản);
- VKSND h. Krông Pa (02 bản);
- Công an h. Krông Pa (01 bản);
- Bị cáo, người ĐDHP (02 bản);
- Bị hại; đương sự;
- Người bào chữa (01 bản);
- Chi cục THADS h. Krông Pa (01 bản);
- Lưu HS vụ án, THA hình sự (02 bản).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Lê Thị Dung

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Tạ Thị Hài - Nay Y Nốt

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Dung

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai (01 bản);
- VKSND h. Krông Pa (02 bản);
- Công an h. Krông Pa (01 bản);
- Bị cáo, người ĐDHP (02 bản);
- Bị hại; người ĐDHP hại (02 bản)
- Người bào chữa (01 bản);
- Chi cục THADS h. Krông Pa (01 bản);
- Lưu HS vụ án, THA hình sự (02 bản).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Lê Thị Dung